PHÚ KHÁNH – CAM LÂM, DIÊN KHÁNH
THUẬN HẢI – BỬU SƠN

BUÔN GIA LÊ

6733 II
IN LẦN THỨ NHẤT 1976

TỐI MẬT

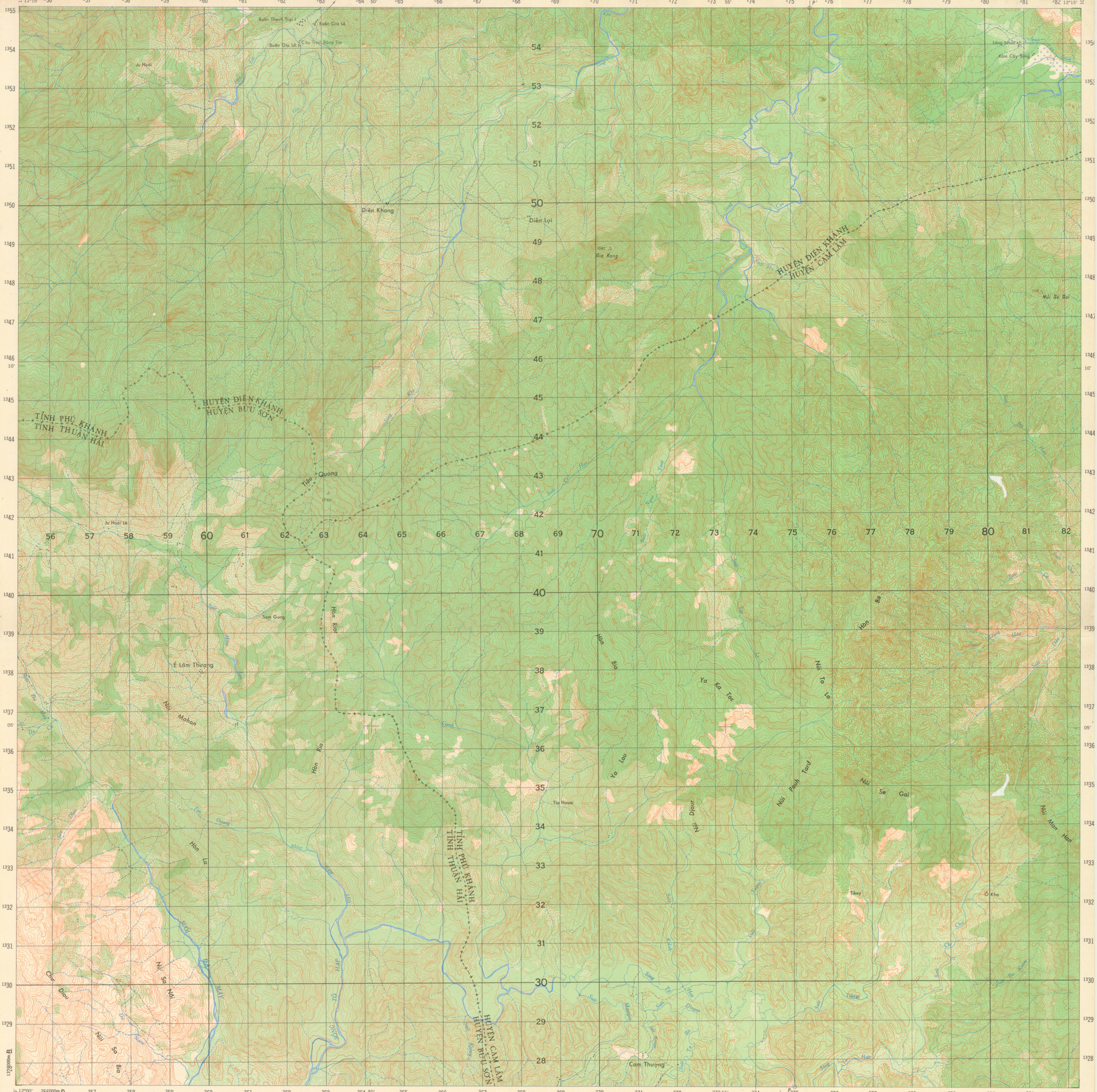

1:50.000

1 CM BẰNG 500 M THỰC ĐỊA
KHOẢNG CAO ĐỀU ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ CƠ BẢN LÀ 20 MÉT
và ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ PHỤ LÀ 10 MÉT

ELÍP QUẢ ĐẤT EVEREST. CHIẾU HÌNH U T M MÚI 49
CHUẨN ĐẠI ĐỊA ẤN ĐỘ 1960. CHUẨN ĐỘ CAO HÀ TIÊN
Đường bờ biển vẽ phòng chừng khi thủy triều thấp nhất

GIÁN ĐỒ GÓC TỪ THIÊN

So với bắc thật: Bắc nam châm lệch về Đông 0°36′ (0-10, 0-11);
Bắc ô vuông (tính ở trung tâm bản đồ) lệch về Tây 0°27′ (0-08, 0-08).
Bắc ô vuông so với bắc nam châm lệch về Tây 1°03′ (0-18, 0-19).
Số đầu trong vòng đơn là số ly giác của 6000 (1 ly giác bằng 3′6);
Số sau trong vòng đơn là số ly giác của 6400 (1 ly giác bằng 3′375).
Trị số góc lệch nam châm do năm 1970

THƯỚC ĐỘ DỐC

① Đẻ đo khoảng cao đều 20 m
② Đẻ đo khoảng cao đều phụ 10 m
③ Đẻ đo khoảng cao đều 50 m

Cách dùng thước độ dốc: Đo gián cách giữa 2 điểm trên 2 đường (hoặc 6 đường) bình độ kề nhau. Đo xong đặt vào hướng các đường dọc của thước độ dốc, tìm ấy khoảng cùng độ dài như thế. Số độ ở dưới nó tức là độ dốc của 2 điểm đó. Nếu gián cách giữa 2 đường bình độ không đều nhau thì nên chia từng đoạn một mà đo.

CAO ĐỘ

ĐỊA GIỚI

BẢNG CHẮP

6733 IV	6733 I	6833 IV
6733 III	6733 II	6833 III
6732 IV	6732 I	6832 IV

NHA ĐỊA DƯ ĐÀ LẠT – CỤC BẢN ĐỒ QUÂN SỰ
BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

— Tái bản lần thứ I tháng 7 năm 1976, theo nguyên bản bản đồ 1: 50.000 AMS 1966
— Tên tỉnh mới theo quyết định của trung ương tháng 2 năm 1976
— In tại xưởng in Nha Địa dư Đà lạt tháng 7 năm 1976.

BUÔN GIA LÊ 6733 II 1:50.000